|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**ĐỀ CƯƠNG**

**Tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh**

**Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026**

Thay mặt Tổ đại biểu, tôi xin báo cáo với cử tri và Nhân dân một số vấn đề sau đây:

**A. Về Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh Khóa XII([[1]](#footnote-1))**

Sau 03 ngày làm việc *(từ ngày 04/12/2024 đến ngày 06/12/2024)* với tinh thần dân chủ, trách nhiệm, khẩn trương, Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh Khóa XII đã thành công tốt đẹp.

Kỳ họp đã đánh giá tình hình kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2024, đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh năm 2025; xem xét báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh Khóa XII, các báo cáo định kỳ về hoạt động của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự, Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh và nghe Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền; ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương.

Tại Kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh đã thông qua 34 nghị quyết. Nội dung cụ thể của 34 nghị quyết này đã được đăng công khai trên Trang thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Tôi xin thông báo để cử tri và Nhân dân biết, nghiên cứu, tìm hiểu thêm. Vì thời gian có hạn, tôi xin phép được thông tin một số nội dung trọng tâm như sau:

**\* Nội dung chủ yếu của một số Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua tại Kỳ họp thứ 8**([[2]](#footnote-2))

**I. Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025.**

***1. Mục tiêu tổng quát:***

Năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Tăng cường huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến; đầu tư phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ và tăng cường cải cách hành chính, cải thiện môi truờng đầu tư, kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ.

***2. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2025***

**a) Về kinh tế**([[3]](#footnote-3)): Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt **trên 10%** (phấn đấu đạt **19,79%**); GRDP bình quân đầu người trên **70,81 triệu đồng**; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ **5.000 tỷ đồng** trở lên.

**b) Về văn hóa - xã hội và môi trường**([[4]](#footnote-4)): Dân số trung bình năm 2025 khoảng **620.000 người;** giải quyết việc làm tăng thêm trong năm: **7.000 lao động;** tỷ lệ hộ nghèo giảm **3%**; Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất đạt **100%**. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt **100%**; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường **85%**.

**c) Về quốc phòng, an ninh:**Có **80%** xã, phường, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt **90%** trở lên; tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội giảm **5%**.

Nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, nghị quyết đã đề ra 14 nhóm nhiệm vụ, giải pháp như: Đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực; triển khai có hiệu quả các quy hoạch đã được phê duyệt; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư để không lãng phí nguồn lực của tỉnh; phát triển bền vững các loại cây trồng chủ lực *(như Mắc ca, Sâm Ngọc Linh...)* và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao giá trị của sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh; khai thác tối đa tiềm năng du lịch có lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, di sản vật thể và phi vật thể của tỉnh để thu hút du khách..*.*

**II. Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 09/12/20 quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kon Tum mà đáp ứng một trong hai điều kiện:

- Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Dự án phi lợi nhuận.

**Đối tượng áp dụng:**

- Cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư, cho thuê đất và miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.

- Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.

**2.** **Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất**

Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh:

- Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định *(sau đây gọi tắt là dự án đầu tư xã hội hóa).*

- Dự án phi lợi nhuận.

**3.** **Nguyên tắc áp dụng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất**

- Không áp dụng miễn tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư xã hội hóa theo quy định của Điều 2 Nghị quyết này trong trường hợp dự án sử dụng đất xây dựng nhà ở thương mại, sử dụng đất thương mại, dịch vụ; dự án được nhà nước cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư được xác định theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

- Người sử dụng đất không được tính tiền thuê đất được miễn vào giá thành sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội.

**III.** **Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 về** **nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**- Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**- Đối tượng áp dụng:**

+ Hộ dân tộc thiểu số tiêu biểu.

+ Người có công với cách mạng tiêu biểu.

+ Hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ.

+ Thôn, làng đón Tết Nguyên đán *(tổ chức ngày hội bánh chưng xanh)*.

+ Gia đình quân nhân làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo và chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

+ Các đồn biên phòng, đơn vị quân sự, công an, các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã ATK, đơn vị thực hiện nhiệm vụ đặc thù, phục vụ nhân dân trong những ngày Tết Nguyên đán.

+ Bệnh nhân thuộc Bệnh xá Phong Đăk Kia; Bệnh nhân là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Thương binh và người thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ từng thời kỳ đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng; Bệnh nhân nằm điều trị nội trú tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện trong 3 (ba) ngày Tết Nguyên đán hàng năm.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**2. Nguyên tắc hỗ trợ, tặng quà**

- Việc hỗ trợ, tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum thực hiện theo kế hoạch, chủ trương cấp thẩm quyền.

- Trường hợp phát sinh thêm các đối tượng theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền thì mức hỗ trợ và mức quà tặng được áp dụng theo mức của các đối tượng, nhóm đối tượng có tính chất tương đồng được quy định tại Nghị quyết này.

- Đối tượng được hưởng nhiều chế độ hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm thì chỉ được hưởng một chế độ có mức hỗ trợ cao nhất.

**3. Nội dung, mức hỗ trợ, mức tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**3.1.** Hỗ trợ, tặng quà hộ gia đình, cá nhân nhân dịp Tết Nguyên đán

- Hộ dân tộc thiểu số tiêu biểu: 1.000.000 đồng/hộ/năm.

- Hộ nghèo: 600.000 đồng/hộ/năm.

- Hộ cận nghèo: 300.000 đồng/hộ/năm.

- Người có công tiêu biểu: 1.500.000 đồng/người/năm.

- Gia đình quân nhân làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo và chủ quyền an ninh biên giới quốc gia: 1.500.000 đồng/hộ/năm.

**3.2.** Hỗ trợ, tặng quà cho các đơn vị, địa phương nhân dịp Tết Nguyên đán theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền

- Thôn, làng đón tết nhân dịp Tết Nguyên đán hằng năm (*Tổ chức ngày hội bánh chưng xanh*): 3.000.000 đồng/thôn, làng.

- Các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III), xã biên giới và xã ATK theo quyết định của cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Kon Tum: 11.000.000 đồng/xã.

- Các đồn Biên phòng, Tiểu đoàn huấn luyện (trong đó có Đại đội cơ động) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đứng chân trên địa bàn các huyện: 16.000.000 đồng/đơn vị.

- Đại đội: 186, 187, 188, 189; Đại đội công binh; Trạm điệp báo; Tiểu đoàn 304; Trung đoàn 990; Cụm 899: 11.000.000 đồng/đơn vị.

- Các Công ty trực thuộc Binh đoàn 15 đứng chân trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Sư Đoàn 10: 2.000.000 đồng/đơn vị.

- Các tiểu đội dân quân thường trực xã biên giới; Các đơn vị quản lý bảo vệ rừng; Các Chốt trạm liên ngành; Các đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đứng chân trên địa bàn thành phố Kon Tum; Các đơn vị khối ngành Công an: 3.000.000 đồng/đơn vị.

- Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Kon Tum, Tòa Giám mục Kon Tum, Ban cai quản họ đạo Kon Tum, Ban cai quản họ đạo thánh thất cao đài Tây Ninh; Đạo Tin lành (Ban trị sự hệ phái Tin lành truyền giáo cơ đốc Việt Nam): 2.000.000 đồng/tổ chức.

- Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh (cơ sở I và cơ sở II); Các Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập được cấp tỉnh cấp phép hoạt động: 6.000.000 đồng/đơn vị.

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Trung tâm Văn hóa nghệ thuật; Bệnh xá phong Đắk Kia: 3.000.000 đồng/đơn vị.

- Công ty điện lực; Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh dịch vụ công ích, Bệnh viện tư nhân: 2.000.000 đồng/đơn vị.

- Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh; Bệnh viện đa khoa tỉnh; Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi; Bệnh viện Tâm thần; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh: 6.000.000 đồng/đơn vị.

- Công ty cổ phần Cấp nước Kon Tum; Đài Phát thanh và Truyền hình Kon Tum; Báo Kon Tum: 12.000.000 đồng/đơn vị.

- Công ty cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum: 22.000.000 đồng/đơn vị.

**4. Nội dung, mức hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**4.1.** Hỗ trợ bệnh nhân thuộc Bệnh xá Phong Đăk Kia

- Tiền ăn cho bệnh nhân phong đang điều trị tại Bệnh xá Phong Đăk Kia: 70.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo);

- Tiền ăn cho bệnh nhân phong đang chăm sóc tại nhà thuộc Bệnh xá Phong Đăk Kia: 60.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo);.

- Mai táng phí: 8.000.000 đồng/người.

**4.2.** Hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, thương binh và người thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ từng thời kỳ đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng: 70.000 đồng/người/ngày (kể cả tiền gạo).

**4.3.** Hỗ trợ tiền ăn, tiền bánh kẹo, trái cây đón tết cho bệnh nhân nằm điều trị nội trú tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện trong 3 (ba) ngày nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm

- Tiền ăn theo ngày: 100.000 đồng/người/ngày;

- Tiền bánh kẹo, trái cây đón tết (hỗ trợ 1 lần trong 3 (ba) ngày tết): 200.000 đồng/người.

**4.4.** Người có công tiêu biểu nhân Ngày Thương binh liệt sĩ *(27 tháng 7)*: 1.500.000 đồng/người/năm.

**5. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hỗ trợ, tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo quy định về phân cấp hiện hành.

- Nguồn huy động, tài trợ, đóng góp khác theo quy định của pháp luật.

**IV.** **Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024** **ban hành quy định mức chi cụ thể hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**- Phạm vi điều chỉnh:** Quy định này quy định mức chi cụ thể hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**- Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật *(sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn)*;

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2. Nguồn kinh phí thực hiện:** Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**3. Mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương**

(1). Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

(2). Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình;

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/mô hình.

(3). Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

(4). Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

(5). Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước bao gồm: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi phí thông tin tuyên truyền và chi phí hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước: mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

(6). Chi tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: thuê gian hàng, thiết kế, trang trí chung của khu vực tỉnh, chi phí cho cán bộ tham gia chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

(7). Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và cấp huyện.

a) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh mức hỗ trợ 50 triệu đồng/lần và cấp huyện 25 triệu đồng/lần;

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh 03 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp huyện 02 triệu đồng/sản phẩm và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

(8). Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 25 triệu đồng/nhãn hiệu.

(9). Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

(10). Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

(11). Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/cụm liên kết.

(12). Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cụm công nghiệp.

(13). Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

(14). Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi bằng 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

(15). Chi hỗ trợ trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: chi mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/phòng trưng bày;

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: chi mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/phòng trưng bày.

(16). Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

a) Sở Công Thương là cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: thuê chuyên gia, lao động *(nếu có)*; chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, in ấn, chi công tác phí, xăng xe, thuê xe đi kiểm tra *(nếu có)*; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác *(nếu có*).

b) Đối với Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến thương mại; đơn vị thực hiện nhiệm vụ khuyến công: được chi 3% dự toán đề án khuyến công *(riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, huyện nghèo theo quy định của Chính phủ, được chi 4%)* để chi cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, chi khác *(nếu có)*.

(17). Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

(18). Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 600 triệu đồng/cụm công nghiệp.

**B. Kết quả các Kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh**

**1. Kết quả Kỳ họp chuyên đề ngày 12/11/2024**

Ngày 12/11/2024, HĐND tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 đã tổ chức Kỳ họp chuyên đề. Tham dự kỳ họp có 46/49 đại biểu HĐND tỉnh.

HĐND tỉnh đã tập trung thảo luận, xem xét và thống nhất biểu quyết thông qua 04 nghị quyết chuyên đề([[5]](#footnote-5)).

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của HĐND tỉnh về chính sách đất đai đối với cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số và cá nhân người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum, như sau:

**1.1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định chính sách đất đai đối với cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số và cá nhân người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

1. Cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách đất đai đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**1.3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Cá nhân thụ hưởng chính sách phải sinh sống và thường trú tại địa phương nơi có đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng đất, được thuê đất.

2. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiếu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiếu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương; đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định pháp luật.

**1.4. Giải thích từ ngữ**

1. Thiếu đất ở là trường hợp đã có đất ở nhưng diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu sau tách thửa đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Thiếu đất nông nghiệp là trường hợp đã có đất sản xuất nông nghiệp nhưng diện tích nhỏ hơn 50% diện tích tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch,kế hoạch sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

**1.5. Nội dung chính sách**

**1. Đất sinh hoạt cộng đồng**

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quy hoạch, bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng đến từng thôn đồng bào dân tộc thiểu số gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, với diện tích tối thiểu là 500 mét vuông (m2).

**2. Hỗ trợ lần đầu về đất ở, đất nông nghiệp**

a) Hỗ trợ đất ở

Trường hợp không có đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở. Diện tích giao đất tùy thuộc vào điều kiện thực tế của địa phương nhưng không quá hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

Trường hợp thiếu đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp trong cùng thửa đất hoặc thửa đất liền kề sang đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở; trường hợp không có đất khác để chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở thì nhà nước thực hiện thu hồi thửa đất không đủ điều kiện và giao thửa đất mới theo quy định như trường hợp không có đất ở.

b) Hỗ trợ đất nông nghiệp

Trường hợp không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp và không thu tiền sử dụng đất theo quy định. Diện tích giao đất không vượt quá hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

Trường hợp thiếu đất nông nghiệp thì được giao bổ sung đất nông nghiệp và không thu tiền sử dụng đất theo quy định. Diện tích giao đất bổ sung tương đương diện tích thiếu; trường hợp không còn quỹ đất nông nghiệp do nhà nước quản lý để thực hiện giao đất, thì ưu tiên giao khoán diện tích đất từ các nông, lâm trường.

**3. Hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp trong trường hợp đã được giao đất theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức quy định**

a) Trường hợp không còn đất ở, thiếu đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định diện tích giao đất ở để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo từng địa bàn huyện, thành phố phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương;

b) Đối với trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc thiếu đất nông nghiệp thì được tiếp tục giao đất nông nghiệp và không thu tiền sử dụng đất theo quy định; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định diện tích giao đất nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo từng địa bàn huyện, thành phố phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương;

c) Trường hợp thiếu đất nông nghiệp thì được giao bổ sung đất nông nghiệp và không thu tiền sử dụng đất theo quy định. Diện tích giao đất bổ sung bằng diện tích theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về diện tích giao đất để chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo từng địa bàn huyện, thành phố trừ (-) diện tích đất hiện có.

**4. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này**

a) Trường hợp không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất, nếu có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất và được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định. Diện tích thuê đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định căn cứ vào tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương;

b) Trường hợp không có đất nông nghiệp hoặc thiếu đất nông nghiệp mà đã bố trí được quỹ đất để giao, nhưng không có nhu cầu giao đất nông nghiệp mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất và được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định. Diện tích thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định căn cứ vào tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương.

**5. Đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.**

**1.6. Nguồn kinh phí thực hiện:** Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 3 Điều 8 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

**2. Kết quả Kỳ họp chuyên đề ngày 27/12/2024**

Ngày 27/12/2024, HĐND tỉnh đã tổ chức Kỳ họp chuyên đề. Tham dự kỳ họp có 43/49 đại biểu HĐND tỉnh.

Tại Kỳ họp này, HĐND tỉnh đã xem xét, thống nhất biểu quyết thông qua 06 nghị quyết *(trong đó có 05 nghị quyết quy phạm pháp luật)*([[6]](#footnote-6)).

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum, như sau:

**(1). Mức giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại** **các Bệnh viện** *(đại biểu TXCT tại địa bàn nào thì thông tin cho cử tri mức giá cụ thể tại địa bàn đó)*:

1. Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

4. Bệnh viện Tâm thần quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này.

5. Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này.

6. Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị quyết này.

7. Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị quyết này.

8. Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị quyết này.

9. Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết này.

10. Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị quyết này.

11. Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy quy định tại Phụ lục XI kèm theo Nghị quyết này.

12. Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy quy định tại Phụ lục XII kèm theo Nghị quyết này.

13. Trung tâm Y tế huyện Kon Plông và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Kon Plông quy định tại Phụ lục XIII kèm theo Nghị quyết này.

14. Trung tâm Y tế huyện Ia H’Drai và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Ia H’Drai quy định tại Phụ lục XIV kèm theo Nghị quyết này.

15. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật quy định tại Phụ lục XV kèm theo Nghị quyết này.

16. Trung tâm Giám định y khoa quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị quyết này.

**(2). Hiệu lực và điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày **01** tháng **01** năm **2025**.

2. Đối với người bệnh đang điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực: Tiếp tục áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Nghị quyết này cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú.

Trên đây là Đề cương Tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026./.

 ***Ghi chú:* Về tài liệu Hỏi - Đáp kiến nghị của cử tri** đã được gửi đến tất cả các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh qua Zalo, đồng thời **đăng tải tại mục Tài liệu tiếp xúc cử tri trên Trang thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**. Kính báo quý đại biểu biết, tra cứu, trả lời cử tri tại các Hội nghị tiếp xúc cử tri.

1. () Về kết quả kỳ họp: Đại biểu xem thêm tại Thông báo số 79/TB-TTHĐND ngày 10/12/2024 của Thường trực HĐND tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Văn phòng xin chọn lọc nội dung một số nghị quyết. Nếu xét thấy cần thiết, đề nghị đại biểu tiếp tục lựa chọn để trình bày cho phù hợp với cử tri ở từng địa bàn ứng cử, từng địa phương trong tỉnh. [↑](#footnote-ref-2)
3. () Nếu cần thiết, đại biểu tham khảo thêm một số chỉ tiêu về kinh tế: Cơ cấu kinh tế: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản: **19-20%**; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng: **31-32%**; Khu vực Dịch vụ: **41-42%**. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ **32.700** tỷ đồng trở lên (*trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân 26.800 tỷ đồng*). Thành lập mới từ **300** doanh nghiệp trở lên. Trồng mới ít nhất: **300 ha** cây mắc ca; **1.098 ha** cây ăn quả *(trong đó 300 ha sầu riêng)*; **1.578 ha** Sâm Ngọc Linh. Phát triển vùng nguyên liệu mía **3.000 ha** (*trong đó trồng mới* ***1.480 ha***); chanh dây **1.000 ha** (*trong đó trồng mới* ***666 ha***)**;** cà phê xứ lạnh **5.331 ha** (*trong đó trồng mới* ***1.000 ha***). Cải tạo thêm **2.000 ha** vườn tạp. Chăn nuôi: Tổng đàn bò **110.000 con**; tổng đàn trâu **27.000 con**. Trồng mới trên **3.000 ha rừng**. Phấn đấu đến cuối năm 2025, huyện Đăk Hà và huyện Ngọc Hồi đạt huyện nông thôn mới. Có thêm **07 xã** đạt chuẩn nông thôn mới; có thêm **200 thôn** (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Có **3.000.000** lượt khách du lịch đến tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. () Nếu cần thiết, đại biểu tham khảo thêm một số chỉ tiêu về văn hóa-xã hội: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **60%**, trong đó đào tạo nghề đạt **44%**. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT chuyển sang học nghề lên **40%**. Phấn đấu **50%** số trường mầm non, **77%** số trường tiểu học, **58%** số trường trung học cơ sở, **60%** số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Xóa **100%** phòng học tạm; xóa mù chữ tại vùng đồng bào DTTS; bố trí kinh phí để hợp đồng giáo viên đáp ứng công tác giảng dạy theo quy định. Số giường bệnh trên một vạn dân (*không tính trạm y tế xã*) đạt **38,6** giường. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt **95%**. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi còn dưới **28%**. Tỷ lệ hộ gia đình ở đô thị sử dụng nước sạch đạt **95%**. Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt **95%**. [↑](#footnote-ref-4)
5. () Gồm: (1) Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2024; (2) Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá; mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm *(không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất)* và mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (3) Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 Quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 về chính sách đất đai đối với cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số và cá nhân người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Cụ thể tại Thông báo số 84/TB-TTHĐND ngày 30/12/2024 của Thường trực HĐND tỉnh. [↑](#footnote-ref-6)